

CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc (UPCOM: NBE)

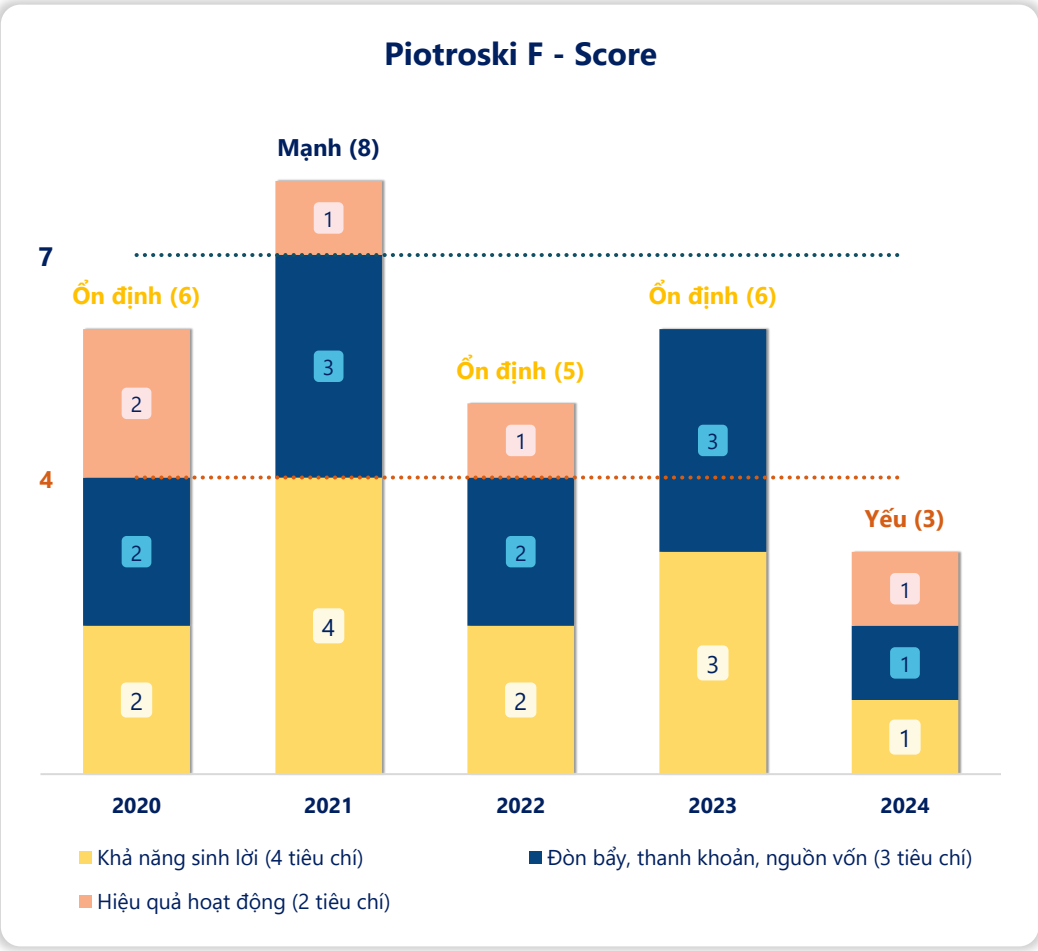
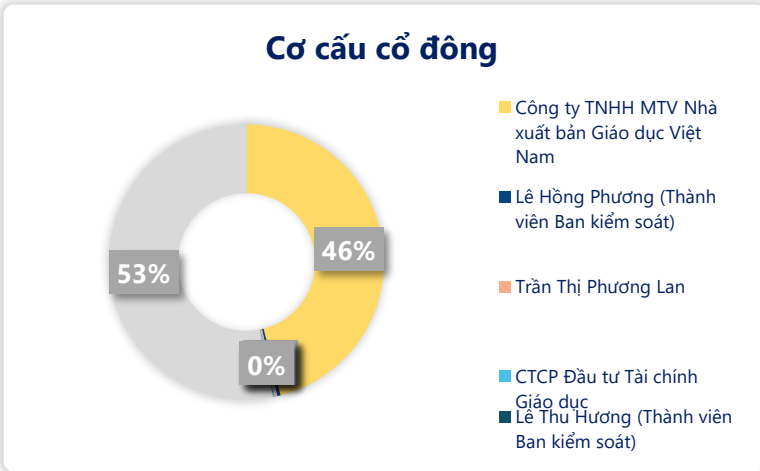
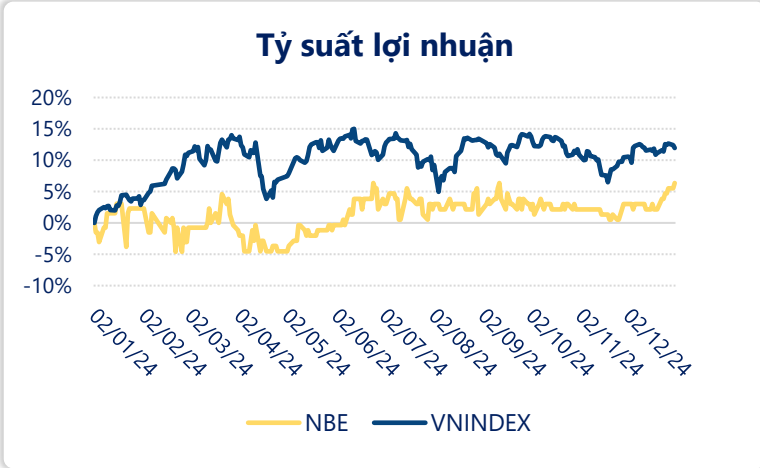
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	12,700 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	11.5%	11.5%	9.8%

Sức mạnh tài chính	2024
Piotroski F - Score	3/9
2024	(Yếu)

DT thuần	2024
778	YoY
tỷ VNĐ	▲ 38.0
	▲ 5.2%

LN sau thuế	2024
14.4	YoY
tỷ VNĐ	▼ 0.60
	▼ 3.7%

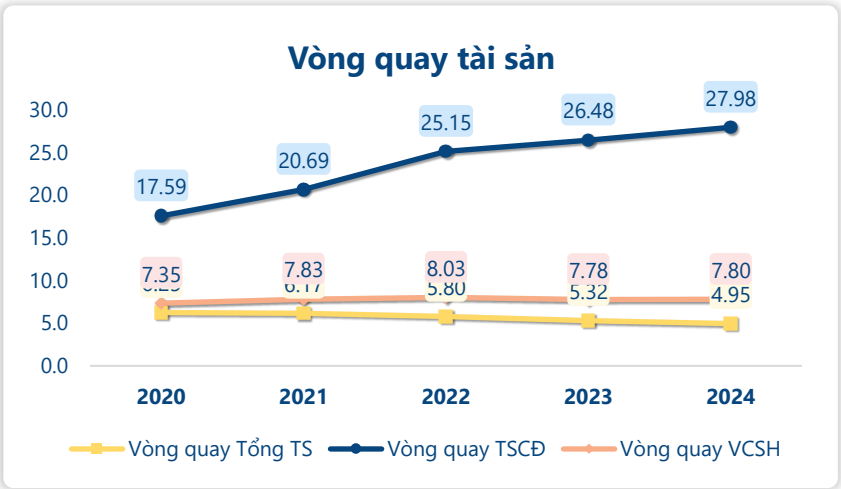
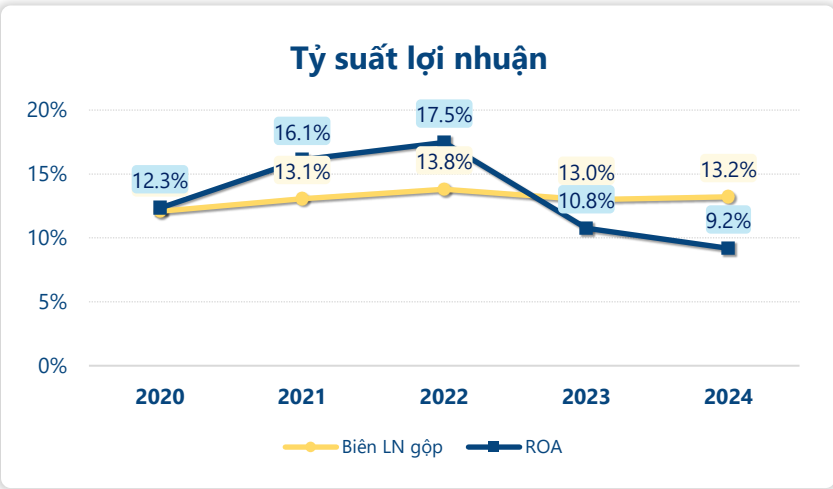
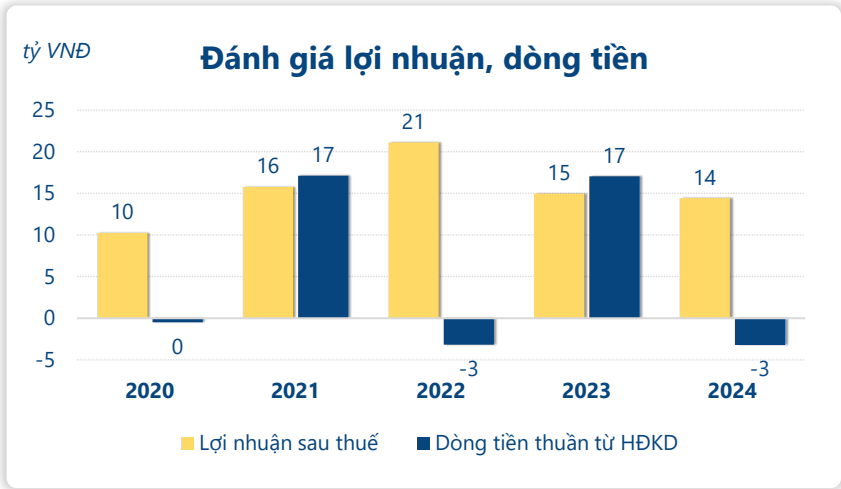


Năm 2024, F-Score của NBE đạt 3/9 thấp hơn năm trước cho thấy dấu hiệu báo động về sức khỏe tài chính đang giảm xuống mức "yếu".

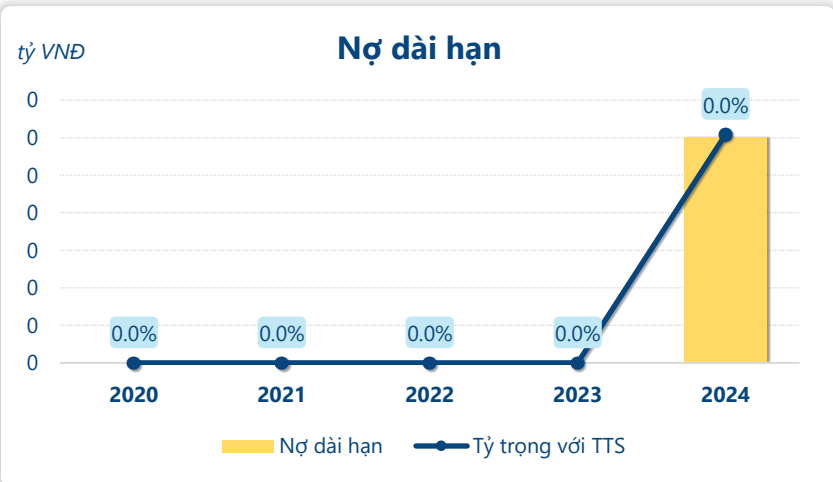
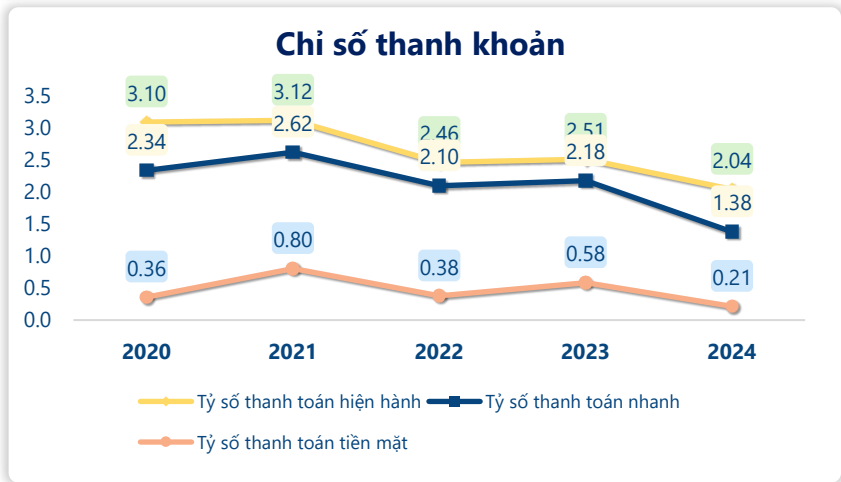
Trong đó, khả năng sinh lời giảm xuống còn 1/4 điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn kém hơn năm trước đạt 1/3. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt 1/2 điểm cải thiện tốt hơn so với năm trước.

F-Score ở mức yếu là một tín hiệu xấu cho thấy sự đáng lo ngại về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Phản ánh tình trạng không ổn định và rủi ro tài chính cao.

CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc (UPCOM: NBE)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2024** của **NBE**: Lợi nhuận sau thuế dương là một tín hiệu tích cực, tuy nhiên dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm có thể cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc sinh lời từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của mình. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản tăng có thể tạo ra mức độ phụ thuộc cao hơn vào vốn vay dài hạn, làm tăng rủi ro tài chính cho doanh nghiệp. Tuy nhiên cũng có thể phản ánh chiến lược tài chính hoặc nhu cầu vốn vay để đầu tư và mở rộng hoạt động. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	172	142	21.7%
Tài sản ngắn hạn	143	112	27.7%
Tiền và tương đương tiền	15.0	26.0	-42.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.06	0.06	0.0%
Phải thu ngắn hạn	79.1	68.8	14.9%
Hàng tồn kho	46.4	15.0	210%
Tài sản ngắn hạn khác	2.55	2.16	17.8%
Tài sản dài hạn	29.3	29.7	-1.1%
Phải thu dài hạn	0.05	0.05	0.0%
Tài sản cố định	27.6	28.1	-1.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	1.21	1.21	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.53	0.37	45.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	70.2	44.6	57.3%
Nợ ngắn hạn	70.1	44.6	57.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	46.9	24.6	90.7%
Nợ dài hạn	0.06	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	102	97.1	5.3%
Vốn chủ sở hữu	102	97.1	5.3%
Vốn điều lệ	50.0	50.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	520	603	701	740	778
Giá vốn hàng bán	457	525	604	644	675
Lợi nhuận gộp	62.8	78.8	96.7	96.1	103
Doanh thu HĐTC	0.64	1.67	1.03	1.33	1.57
Chi phí TC	0.38	0.20	0.11	0.21	0.16
Chi phí lãi vay	0	0.06	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	28.4	37.2	46.1	49.1	48.9
Chi phí QLDN	21.4	22.7	25.5	29.0	36.2
LN thuần từ HĐKD	13.3	20.3	26.1	19.2	19.1
Lợi nhuận khác	-0.26	-0.01	-0.44	0.04	-0.63
LN trước thuế	13.0	20.3	25.6	19.3	18.4
Lợi nhuận sau thuế	10.3	15.8	21.1	15.0	14.4
LNST của CĐ cty mẹ	10.3	15.8	21.1	15.0	14.4

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.49	17.1	-3.19	17.0	-3.22
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.54	0.26	6.19	-1.93	-2.29
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.50	-5.00	-5.50	-5.50	-5.50
Tiền đầu kỳ	16.0	6.52	18.9	16.4	26.0
Lưu chuyển tiền thuần	-9.53	12.4	-2.50	9.59	-11.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.52	18.9	16.4	26.0	15.0